

Pleiku, ngày 26 tháng 06 năm 2021

## TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và thông qua các Quy chế của Công ty.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CPTĐ năng lượng tái tạo Việt Nam.
- Biên bản họp số 04/BB-HĐQT-DL1 ngày 03 tháng 05 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam bàn về việc các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Các văn bản pháp luật có liên quan;

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty. Với mục tiêu xây dựng Điều lệ và các Quy chế của Công ty ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi bổ sung và thay thế các quy chế như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty (đính kèm Phụ lục 01)
2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (đính kèm phụ lục 02)
3. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Quy chế này thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT đã ban hành năm 2019 (đính kèm phụ lục 03)
4. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Quy chế này thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành năm 2019 (đính kèm phụ lục 04)
5. Ban hành Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của công ty (đính kèm phụ lục 05)
6. Ban hành Quy chế bỏ phiếu điện tử của công ty (đính kèm phụ lục 06)

Những nội dung khác trong Điều lệ và các Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty không thay đổi.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện chỉnh sửa, bổ sung cập nhật về mục và điều khoản trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy

chế tổ chức ĐHĐCĐ và Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty. Thực hiện Công bố thông tin sau khi hoàn thiện.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua ./.

*Nơi nhận:*


- Toàn thể cổ đông;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐOÀN NGUYỄN TIÊU**

**Phụ lục số 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY**  
(Đính kèm Tờ trình số 01/TTrĐHĐCĐ2021, ngày 26 tháng 6 năm 2021)

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1.	 <p>Sửa đổi bổ sung Khoản Điều 5 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con</p> <p>(Bổ sung)</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 5 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>i. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>j. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>k. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>l. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>m. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>n. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p>	<p>Căn cứ Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
2.	Bổ sung Điều 2	<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>...</p> <p>...</p> <p>4. Giám Đốc Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam là người đại diện theo pháp luật của Công ty; được Chủ tịch HĐQT Công ty ký quyết định bổ nhiệm</p>	<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, <b>ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH</b>, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY:</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>...</p> <p>....</p> <p>4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam là người đại diện theo pháp luật của Công ty; được Chủ tịch HĐQT Công ty ký quyết định bổ nhiệm.</p>	Căn cứ thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, Điều 2, Điều 3 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
3.	Sửa đổi Điều 4	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động: (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p>	Căn cứ Điều 5 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
4.	Sửa đổi Điều 5	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần .....hướng dẫn liên quan.</p>	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần .....hướng dẫn liên quan. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	Căn cứ Điều 6 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		7. (bỏ toàn bộ)		
5.	Sửa đổi Điều 6	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của <b>Chủ tịch HĐQT</b> và các thông tin khác theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một <b>chứng chỉ cổ phiếu</b> ghi danh, <b>chứng chỉ</b> cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của <b>người đại diện theo pháp luật của công ty</b> và các thông tin khác theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một <b>chứng nhận cổ phiếu</b> ghi danh, <b>chứng nhận</b> cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.</p>	Căn cứ Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
6.	Sửa đổi điều 10:	<p>Điều 10: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p><b>4. Giám đốc điều hành</b></p>	<p>Điều 10: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p><b>4. Tổng Giám đốc</b></p>	
7.	Sửa đổi, bổ sung Điều 11	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông:</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>(Không có)</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông:</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; <b>hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty và pháp luật quy định. Mỗi cổ đông phổ thông có một phiếu biểu quyết;</b></p> <p><b>Bổ sung: mục i, j, k:</b></p> <p>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.</p>	Căn cứ Điều 12 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			<p>các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	
		<p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>b. <i>Bổ sung</i></p> <p>c. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>I. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra</p> <p>c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai</p>	

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		(Không có)	<p>mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p><b>Bổ sung Khoản 4:</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 25% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 25% đến dưới 30% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 30% đến dưới 35% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 40% đến 45% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 45% đến dưới 50% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; 50% đến 55% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên; và từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
8.	Sửa đổi bổ sung điều 12	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông:</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành <b>Nghị quyết</b>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p>	Căn cứ Điều 13 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>b. Ủy quyền cho <b>người</b> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>4. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: b. <b>Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</b> (Không có)</p>	<p>b. Ủy quyền cho <b>cá nhân, tổ chức</b> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, <b>hoặc phương tiện khác;</b></p> <p>4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của <b>riêng cá nhân đó hoặc tổ chức, cá nhân khác;</b></p> <p>7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
9.	Sửa đổi, bổ sung điều 13	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nếu xét thấy trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính Công ty chưa thể tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, thì <b>phải có văn bản gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, nhưng thời gian gia hạn không được quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</b></p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</b> là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nếu xét thấy trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính Công ty chưa thể tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, thì <b>HĐQT quyết định</b> gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, nhưng thời gian gia hạn không được quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, <b>Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh</b></p>	<p>Căn cứ Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>



STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật <b>hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</b></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, <b>trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan</b></p> <p>e. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì <b>trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo</b>, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp (Không có)</b></p>	<p><b>thổ Việt Nam.</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p><i>Bổ sung và sắp xếp lại sau khi bỏ mục b:</i></p> <p>b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, <b>và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</b></p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Luật Doanh nghiệp</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
10.	Sửa đổi, bổ sung điều 14	<p>Điều 14. Quyền và <b>nhiệm vụ</b> của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông <b>thường niên và bất thường</b> thông qua <b>quyết định</b> về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. <b>Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng</p>	<p>Điều 14. Quyền và <b>nghĩa vụ</b> của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ điều lệ công ty quy định về một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyết định thay đổi vốn điều lệ công ty;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông <b>thảo luận</b> và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm <b>đã được kiểm toán;</b></p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản</p>	<p>Căn cứ Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>quản trị;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao, của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>k. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>(Không có)</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>trị, Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>k. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p><b>Bổ sung mục p, q, r, s:</b></p> <p>p. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>q. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>s. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	
11.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 điều 16	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. ....</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. <b>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua</b></p>	Căn cứ Điều 17 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này</p>	<p><b>ngợi quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản....</b>  2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, <b>Điều 19</b> và Điều 20 Điều lệ này</p>	
12.	Sửa đổi, bổ sung điều 17	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b>Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13</b> Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không <b>sớm hơn năm (05) ngày</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>(Không có)</i></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>mười năm (15) ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất <b>ba (03) ngày</b> làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>(Không có)</i></p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <b>Khoản 3 Điều 13</b> Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không <b>quá 10 ngày</b> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <b>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Bổ sung mục g:</b></p> <p>g. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, <b>fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác</b> đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>21 ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ...</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất <b>05 ngày</b> làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ</p>	<p>Căn cứ Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
13.	Sửa đổi, bổ sung điều 18	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>cho ít nhất 51%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>từ trên 50%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.	Căn cứ Điều 19 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
14.	Sửa đổi, bổ sung điều 19	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông: 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. <b>Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</b>  4. (Bỏ toàn bộ)	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông: 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <b>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến.</b> Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. <b>Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</b>  4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại	Căn cứ Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>6. Chủ tọa có thể hoãn họp đại hội ..... Thời gian hoãn tối đa <b>không quá ba ngày</b> kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>8. <i>(Bỏ toàn bộ)</i></p> <p>9. <b>Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</b></p> <p>c. <b>Hội đồng quản trị</b> có toàn quyền thay đổi.....hình thức lựa chọn khác</p> <p>10. <i>(Bỏ toàn bộ)</i></p>	<p>hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ..... Thời gian hoãn tối đa <b>không quá ba ngày</b> làm việc kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>8. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>9. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>c. <b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> có toàn quyền thay .....hình thức lựa chọn khác</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		11. (Bỏ toàn bộ)		
15.	Sửa đổi, bổ sung điều 20	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p><b>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục <b>triệu tập họp</b> và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Căn cứ Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
16.	Sửa đổi, bổ sung điều 21	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <b>nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến</p>	<p>Căn cứ Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <b>ít nhất mười lăm (15) ngày</b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. ....</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</b></p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ <b>thường trú, quốc tịch</b> .....</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</b></p> <p>4. <i>(Bỏ toàn bộ)</i></p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu</p>	<p>cổ đông bằng văn bản để thông qua <b>nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <b>chậm nhất 10 ngày</b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. ....</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <b>mã số doanh nghiệp;</b></p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ <b>liên lạc, quốc tịch, ....</b></p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các</p>	



STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.....</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>.....</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. ....</p>	<p>nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>.....</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. ....</p>	
17.	Bổ sung điều 22	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>.....</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>5. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 22. <b>Nghị quyết</b>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>.....</p> <p>i. <b>Họ tên</b> và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <b>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</b></p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p>	<p>Căn cứ Điều 23 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
18.	Sửa đổi, bổ sung điều 23	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Trong thời hạn chín mươi 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ <b>Nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Trong thời hạn chín mươi 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản hoặc nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</p>	<p>Căn cứ Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<b>quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông ....</b>	có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông ....	
19.	Sửa đổi, bổ sung điều 24	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định.....một cách trung thực nếu được bầu làm... g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có)</p> <p>j. (Không có)</p> <p>2 (Bỏ toàn bộ)</p> <p>3 Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. ...</p> <p><b>Điều 25: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không</p>	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định.....một cách trung thực <b>cần trọng vì lợi ích của công ty</b> nếu được bầu làm.....</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty (nếu có)</p> <p><b>Bổ sung mục j:</b></p> <p>j. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3 Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết <b>theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</b>, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại <b>Điều lệ công ty</b>, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và <b>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. ...</b></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p><b>25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05</p>	<p>Căn cứ Điều 25, 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p> <p>Căn cứ Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>quá năm 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</b></p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;</p> <p>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên</p>	
20.	Sửa đổi, bổ sung điều 26	<p>Điều 26. Quyền hạn, và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ).</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...;</p> <p>b. ...;</p> <p>c. (Bỏ toàn bộ);</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ, <b>thù lao và lợi ích</b> của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. ...;</p> <p>b. ...;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và</p>	<p>Căn cứ Điều 27, 28 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>d. Giám sát, chỉ đạo giám đốc và người điều hành;</p> <p>e. ...;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. <i>(Bỏ toàn bộ)</i>;</p> <p>i. ....;</p> <p>j. <b>Đề xuất</b> mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. ...;</p> <p>l. <i>(Bỏ toàn bộ)</i>;</p> <p>m. <i>(Bỏ toàn bộ)</i>;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, <b>báo cáo quản trị công ty</b> lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. <i>(Bỏ toàn bộ)</i>;</p> <p>p. <i>(Bỏ toàn bộ)</i>;</p> <p>q. <i>(Chưa có)</i>;</p> <p>r. <i>(Chưa có)</i>.</p>	<p>lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và <b>người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty</b>;</p> <p>e. ...;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, <b>quy chế quản lý nội bộ của công ty</b>, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, <b>yêu cầu phá sản công ty</b>;</p> <p>h. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>i. ....;</p> <p>j. <b>Kiến nghị</b> mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức <b>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh</b>;</p> <p>k. ...;</p> <p>l. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của công ty;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng</p>	

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			<p>khoản, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>....</p> <p>4. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>6. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>7. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>10. Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty;</p>	
			<p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>....</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>6. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>8. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>10. Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>1. Không phải là người đang làm việc cho công ty, <b>công ty mẹ hoặc</b> công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm</p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 155 Luật</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>...</p> <p>5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó</p> <p>11. (Chưa có)</p> <p>12. (Chưa có)</p>	<p>việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>...</p> <p>5. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó; <b>trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ</b></p> <p>11. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>12. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Doanh nghiệp số 59/2020/QH1</p> <p>4</p>
21.	Sửa đổi, bổ sung điều 27	<p>Điều 27. Chủ tịch, Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác). Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>..</p>	<p>Điều 27. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện</p>	<p>Căn cứ Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày</p>	<p>các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày</p>	
22.	Sửa đổi, bổ sung điều 28	<p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. ....</p> <p>b. Ít nhất 02 thành viên điều hành Hội đồng quản trị hoặc thành viên HĐQT độc lập;</p>	<p>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. ....</p> <p>b. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên HĐQT độc lập;</p>	<p>Căn cứ Điều 30 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		...	....	
		4. (Bỏ toàn bộ)	<p><b>Bổ sung khoản 3, khoản 4:</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	
		5. (Bỏ toàn bộ)		
		6. (Bỏ toàn bộ)		
		7. (Bỏ toàn bộ)		
		8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa	<p>6. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị <b>tham dự</b> hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. <b>Trường hợp này</b>, cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	



STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>(1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>10. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>....</p> <p>14. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.</p> <p><b>Bổ sung khoản 8, khoản 9:</b></p> <p>8. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>....</p>	
23.	Sửa đổi, bổ sung điều 29	<p>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. ... Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là <b>thành viên Hội đồng quản trị</b>.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, <b>quản lý rủi ro</b>. ... Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, <b>Quy chế nội bộ về quản trị công ty</b>.</p>	<p>Căn cứ Điều 31 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
24.	Sửa đổi, bổ sung điều 30	Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty. 1. Hội đồng quản trị <b>chỉ định</b> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... (Không có) ....	Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty. 1. Hội đồng quản trị <b>bổ nhiệm</b> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:  <b>Bổ sung mục h:</b> h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Căn cứ Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
25.	Sửa đổi, bổ sung điều 31	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý: <b>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.</b> Công ty có giám đốc điều hành hoặc một số Phó giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, <b>và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</b>	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý: <b>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</b> Công ty có Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. <b>Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</b>	Căn cứ Điều 33 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
26.	Sửa đổi, bổ sung điều 32	Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp <b>Bổ sung khoản 1, khoản 4</b> 1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty. 4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Căn cứ Điều 34 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
27.	Sửa đổi, bổ sung điều 33	<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của giám đốc điều hành:</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. <b>Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</b></p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. <b>Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</b></p> <p>3. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>b. <b>Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</b></p> <p>c. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>d. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>e. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>f. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>g. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành:</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>b. <b>Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</b></p> <p>c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Tuyển dụng lao động. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>e. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>f. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p>	<p>Căn cứ Điều 35 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		5. <b>Bãi nhiệm:</b> Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi có <b>từ hai phần ba</b> thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. <b>Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</b>	5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.	
28.	Sửa đổi điều 34	Điều 34: Thư ký công ty ( <i>Bỏ toàn bộ</i> )	Điều 34: Thư ký công ty Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty	
29.	Sửa đổi, bổ sung điều 35	Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <b>Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</b>	Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 11 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động Ban kiểm soát. <b>Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</b>	Căn cứ Điều 36 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
30.	Sửa đổi, bổ sung điều 36	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Công ty ít nhất là ba (03) người và <b>nhiều nhất là 5 người</b> . Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 164</b> Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>....</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban, theo nguyên tắc đa số. <b>Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. ....</b></p> <p>4. ....</p> <p>c. Có đơn từ chức và <b>được chấp thuận</b></p>	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát, <b>Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Công ty ít nhất là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 169</b> Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>....</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban, <b>việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban</b> theo nguyên tắc đa số. <b>Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. ....</b></p> <p>4....</p> <p>c. Có đơn từ chức</p>	Căn cứ Điều 37, Điều 38 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
31.	Sửa đổi, bổ sung điều 37	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 165</b> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>(Không có)</p>	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 170</b> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; <b>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</b></p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điều 290</b> Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p><b>Bổ sung:</b></p>	Căn cứ Điều 39,40,41 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <b>Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</b></p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp</p> <p>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát</p> <p>4. (Không có)</p>	<p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. <b>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</b></p> <p>4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần</p>	

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		5. (Không có)	<p>được làm rõ</p> <p>5. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	
32.	Sửa đổi, bổ sung điều 38	<p><b>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p> <p>Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty.</p>	<p><b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p> <p>Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và cẩn trọng vì lợi ích của Công ty</p>	Căn cứ chương X Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
33.	Sửa đổi, bổ sung điều 39.	Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<p>Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p><b>Bổ sung 1.</b></p> <p><b>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh</b></p>	Căn cứ Điều 47 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>2. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính ..... không có lợi ích liên quan</p>	<p><b>ngành và các quy định pháp luật khác</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính ..... không có lợi ích liên quan</p>	



STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>b. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>c. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>6. (Không có)</p>	<p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p><b>Bổ sung khoản 6:</b> 6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
34.	Sửa đổi, bổ sung điều 40	<p>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình <b>với sự mất cân và năng lực chuyên môn</b> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra</p>	Căn cứ Điều 48 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
35.	Sửa đổi, bổ sung điều 41	<p>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát,</p>	Căn cứ Điều 49 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và <b>cán bộ quản lý</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	<p>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>c. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và <b>người quản lý khác</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật</p>	
36.	Sửa đổi, bổ sung điều 43	<p>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</p> <p>2. <i>(Bỏ toàn bộ)</i></p> <p>7. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết <b>xác định</b> một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, <b>phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu</b>, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, <b>Luật chứng khoán</b>, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết/<b>quyết định</b> quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, <b>bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu</b> nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	Căn cứ Điều 51 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
37.	Sửa đổi, bổ sung điều 44	<p><b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b></p> <p>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p>	<p><b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b></p> <p>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các <b>chi nhánh</b> ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p>	Căn cứ Điều 52 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
38.	Sửa đổi, bổ sung điều 45	Điều 45. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó	Điều 45. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày <b>01 tháng 01 hàng năm</b> và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <b>doanh nghiệp</b> và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.	Căn cứ Điều 53 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
39.	Sửa đổi, bổ sung điều 46	Điều 46. Chế độ kế toán 1. (Bỏ toàn bộ)	Điều 46. Chế độ kế toán <b>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</b>	Căn cứ Điều 54 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
40.	Sửa đổi, bổ sung điều 47	XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. (Bỏ toàn bộ)  2. (Bỏ toàn bộ)  ... 4. (Bỏ toàn bộ) 5. (Bỏ toàn bộ)	XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.  Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.	Căn cứ Điều 55 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
41.	Sửa đổi, bổ sung điều 48	<p>Điều 49. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này <b>tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</b></p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>Điều 49. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này <b>hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập theo tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</b></p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán <b>báo cáo tài chính của Công ty.</b></p>	<p>Căn cứ Điều 57 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
42.	Sửa đổi, bổ sung điều 49	<p>Điều 50. Con dấu</p> <p>1. (Bỏ toàn bộ)</p> <p>...</p> <p>3. (Chưa có)</p>	<p>Điều 50. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>....</p> <p>3. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p>Căn cứ Điều 58 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
43.	Sửa đổi, bổ sung điều 50	<p>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</p> <p>Điều 51. <b>Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc <b>chấm dứt hoạt động</b> trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, <b>kể cả sau khi đã gia hạn;</b></p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p>	<p>XVIII. <b>GIẢI THỂ CÔNG TY CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p> <p>Điều 51. <b>Giải thể công ty</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, <b>mà không có quyết định gia hạn;</b></p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, <b>trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</b></p>	<p>Căn cứ Điều 59 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <b>hay xin</b> chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <b>hoặc phải được</b> chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	
44.	Sửa đổi, bổ sung điều 52	<p>Điều 53. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có <b>một</b> quyết định giải thể Công ty, ...</p> <p>...</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>.....</p> <p><b>c. Thuế và các khoản nợ cho Nhà nước;</b></p> <p><b>d. (Bỏ toàn bộ)</b></p> <p><b>đ. Các khoản nợ khác của Công ty;</b></p> <p>e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến <b>(đ)</b> trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Điều 53. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, ...</p> <p>...</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>.....</p> <p><b>c. Nợ thuế;</b></p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến <b>(d)</b> trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	Căn cứ Điều 61 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
45.	Sửa đổi, bổ sung điều 53	<p>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty .....</p> <p>.....</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc <b>điều hành</b> hay <b>cán bộ quản lý cao cấp.</b></p> <p>..... Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để <b>hành động với tư cách là trọng tài</b> cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài <b>kinh tế</b> hoặc Toà án <b>kinh tế.</b></p>	<p>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty .....</p> <p>.....</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, <b>Tổng Giám đốc</b> hay người <b>quản lý khác.</b></p> <p>.... Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để <b>làm trung tâm hòa giải</b> cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.</p>	Căn cứ Điều 62 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
46.	Sửa đổi, bổ sung điều 55	Điều 56. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam nhất trí thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2020 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. (Bỏ toàn bộ)	Điều 56. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam nhất trí thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2021 tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Căn cứ ngày ĐHĐCĐ thông qua sửa đổi điều lệ và Điều 64 Điều lệ mẫu ban hành kèm thông tư số 116/2020/TT-BTC
47.	Thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Điều lệ.	Thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Điều lệ trước khi sửa đổi.	- Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng. - Điều lệ mới cũng có sửa đổi một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa).	Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Điều lệ sửa đổi.

Những nội dung khác trong Điều lệ hiện hành của Công ty không thay đổi.  
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**


- Toàn thể cổ đông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐOÀN NGUYỄN TIÊU**

**Phụ lục số 02: NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
(Đính kèm Tờ trình số 01/TTrĐHĐCD2021, ngày 26 tháng 6 năm 2021)

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1.	 <p>Sửa đổi, bổ sung Điều 1</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (bỏ toàn bộ)</p> <p>Chưa có</p> <p>Chưa có</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người điều hành của Công Ty Cổ Phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.</p> <p>Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.</p>	<p>Căn cứ Điều 1 Mẫu Quy chế quản trị nội bộ ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC</p>
2.	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 2</p>	<p>Điều 2: Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :</p> <p>a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.</p> <p>Chưa có</p>	<p>Điều 2: Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:</p> <p>- <b>Đảm bảo một cơ cấu quản</b></p>	<p>Căn cứ Điều 40 Luật chứng khoán số 59/2019/QH14</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			<p>trị hợp lý, hiệu quả;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;</li> <li>- Đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;</li> <li>- Tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;</li> <li>- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch trong hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;</li> <li>- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;</li> <li>- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty.</li> </ul>	
		f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp	f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán	Căn cứ Điều 40 Luật chứng khoán số 59/2019/QH14
		g. (bỏ toàn bộ)	g. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;	
		2. (Bỏ toàn bộ)	2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.	Bổ sung để dự phòng các trường hợp thuật ngữ chưa được định nghĩa.



STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
3.	<b>Sửa đổi bổ sung Điều 8</b>	<p>Điều 8: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:</p> <p>a. (Bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 8: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:</p> <p>a. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước liền ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Căn cứ theo điểm 2.2 khoản 2 Điều 9 Quy chế Thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-VSD ngày 02/01/2020 của Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>
		b. (Bỏ toàn bộ)	b. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;	Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
		e. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trước ít nhất mười năm (15) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	e. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của <b>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</b> chậm nhất hai mươi một (21) trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	
4.	<b>Sửa đổi, bổ sung Điều 10</b>	<p>Điều 10: Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 10: Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như</p>	Căn cứ theo khoản tham chiếu phù hợp với Điều lệ thay đổi

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>đồng theo trình tự như sau:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi tới cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty ít nhất <b>ba (03) ngày</b> trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. ....</p>	<p>sau:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi tới cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân tại trụ sở chính của Công ty ít nhất <b>năm (05) ngày</b> trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. ....</p>	
5.	<b>Sửa đổi, bổ sung Điều 13</b>	<p>Điều 13: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng <b>mười (10) ngày</b> kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.</p>	<p>Điều 13: Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng <b>chín mươi (90) ngày</b> kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.</p>	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC
6.	<b>Sửa đổi, bổ sung Điều 14</b>	<p>Điều 14: Ghi và lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại <b>Điều 146</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 14: Ghi và lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại <b>Điều 150</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
7.	<b>Sửa đổi, bổ sung Điều 17</b>	<p>Điều 17: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: (bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 17: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p>	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.	
8.	Sửa đổi, bổ sung Điều 17	<p><b>Điều 17: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Khoản 2:</b></p> <p>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại <b>Điều 27</b> Điều lệ</p>	<p><b>Điều 17: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Khoản 2:</b></p> <p>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại <b>khoản 12 Điều 26</b> Điều lệ</p>	
9.	Sửa đổi, bổ sung Điều 18	<p>Điều 18: trình tự, cách thức, thủ tục, đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị</p> <p>1. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất <b>mười (10) ngày</b> trước khi Đại hội đồng cổ đông được tổ chức.</p>	<p>Điều 18: trình tự, cách thức, thủ tục, đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị</p> <p>2. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất <b>ba (03) ngày</b> trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</p>	Căn cứ phù hợp phạm vi điều chỉnh của điều khoản.
10.	Sửa đổi bổ sung Điều 19	<p>Điều 19: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>6. (bỏ toàn bộ)</p>	<p>Điều 19: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>6. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông</p>	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			cho là phù hợp	
		7. (bỏ toàn bộ) 8. (bỏ toàn bộ) 9. (bỏ toàn bộ)		
11.	Sửa đổi, bổ sung Điều 29	Điều 29: Cuộc họp Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại từ Khoản 2 đến Khoản 5 Điều 28 của Điều lệ.	Điều 29: Cuộc họp Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại từ Khoản 2 đến Khoản 6 Điều 28 của Điều lệ.	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Điều lệ.
12.	Sửa đổi, bổ sung Điều 30	Điều 30: Thông báo họp Hội đồng quản trị 1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất <b>năm (05) ngày</b> , trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.	Điều 30: Thông báo họp Hội đồng quản trị 1. Giấy mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn ít nhất <b>ba (03) ngày</b> , trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Điều lệ.
13.	Sửa đổi, bổ sung Điều 36	Điều 36: Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành Doanh nghiệp 1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy định tại <b>Điều 157 Luật Doanh nghiệp</b> .	Điều 36: Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành Doanh nghiệp 1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy định tại <b>Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</b> .	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Điều lệ.
14.	Sửa đổi, bổ sung Điều 67	Điều 67: Tổ chức Công bố thông tin 1. Công ty tổ chức Công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau: a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và <b>Thông tư 155/2015/BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính</b>	Điều 67: Tổ chức Công bố thông tin 1. Công ty tổ chức Công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau: a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và <b>Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính</b>	Căn cứ điều khoản tham chiếu phù hợp Quy định về CBTT

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
15.	Thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Quy chế	Thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Quy chế trước khi sửa đổi.	<p>- Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.</p> <p>- Quy chế mới cũng có sửa đổi một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa).</p>	Sửa đổi cho phù hợp với thứ tự, trật tự điều khoản, một số dẫn chiếu trong Quy chế sửa đổi.

Những nội dung khác trong Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành của Công ty không thay đổi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Toàn thể cổ đông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐOÀN NGUYỄN TIÊU**

PHỤC LỤC 03: (Đính kèm Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ, ngày 26 tháng 06 năm 2021)

**CÔNG TY CPTĐ NĂNG LƯỢNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÁI TẠO VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Pleiku, ngày 26 tháng 6 năm 2021

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26 tháng 06 năm 2021

Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam.

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
  - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
  - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
  - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 11 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;



c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

#### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được

nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

#### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ 06 tháng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 25% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 25% đến dưới 30% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 30% đến dưới 35% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 40% đến 45% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 45% đến dưới 50% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; 50% đến 55% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên; và từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc

nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

h) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

## **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các



thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## Chương V

### BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

#### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà

không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **Chương VII**

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam bao gồm VII chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



ĐOÀN NGUYỄN TIÊU

**PHỤC LỤC 04:** (Đính kèm Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ, ngày 26 tháng 06 năm 2021)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG  
TÁI TẠO VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DỰ THẢO**

Pleiku, ngày 26 tháng 6 năm 2021

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26 tháng 06 năm 2021*

*Ban kiểm soát xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.



## **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

#### **Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết

nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ 06 tháng có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 25% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 25% đến dưới 30% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 30% đến dưới 35% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 40% đến 45% được đề cử tối

đa bảy (07) ứng viên; từ 45% đến dưới 50% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; 50% đến 55% được đề cử tối đa chín (09) ứng viên; từ 55% đến dưới 60% được đề cử tối đa mười (10) ứng viên; và từ 60% đến dưới 65% được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

## **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III**

#### **BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**



Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng

ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## Chương VI

### MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

#### Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

#### Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

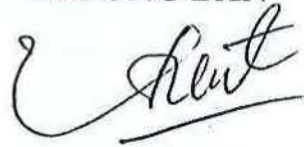
## Chương VII

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Tái tạo Việt Nam bao gồm VII chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng...năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



VÕ SỸ VIỆT

PHỤC LỤC 05 (Đính kèm Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ, ngày 26 tháng 06 năm 2021)

CÔNG TY CPTĐ NĂNG LƯỢNG  
TÁI TẠO VIỆT NAM  
---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 26 tháng 06 năm 2021



**QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CPTĐ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định Hội đồng quản trị số .../QĐ-HĐQT-NLTTVN  
ngày ... / .... / 2021)

**DỰ THẢO**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
- Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.

## CHƯƠNG 1

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (sau đây viết tắt là "Đại hội"/"ĐHĐCĐ") theo hình thức Đại hội trực tiếp hoặc trực tuyến của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty").

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, các bên tham dự Đại hội; các điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội; và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức Đại hội.

3. Cổ đông, các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

#### Điều 2. Hình thức cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp các hình thức này. Việc tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức sẽ do Hội đồng quản trị quyết định dựa vào tình hình thực tế và thông báo cho cổ đông tại Thông báo mời họp.

2. ĐHĐCĐ trực tuyến là ĐHĐCĐ được tổ chức thông qua áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự Đại hội thông qua ứng dụng phần mềm/hệ thống phần mềm/Website do Công ty lựa chọn (sau đây gọi

là “*Hệ thống trực tuyến*”). Hệ thống trực tuyến có thể cung cấp tiện ích tham dự Đại hội hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc kết hợp cả hai.

### **Điều 3. Điều kiện cổ đông tham dự họp Đại hội**

1. Có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ tại ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD)) lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

2. Trừ trường hợp Tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử, Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại hội trực tuyến (*sau đây gọi chung là “Tổ chức cung cấp dịch vụ”*) không yêu cầu hoặc có quy định khác, Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- Có thiết bị có thể kết nối internet (*Máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...*).

- Có số điện thoại di động do tổ chức cung cấp dịch vụ điện thoại di động tại Việt Nam cung cấp.

### **Điều 4. Địa điểm, hình thức và điều kiện tiến hành Đại hội**

1. Địa điểm và hình thức tổ chức Đại hội (*trực tiếp, trực tuyến*) sẽ được thông báo cho cổ đông tại Thông báo mời họp.

2. Đại hội được tiến hành khi đáp ứng điều kiện để tiến hành Đại hội theo quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 5. Thực hiện quyền tham dự họp và hình thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

1. Tùy theo hình thức tổ chức ĐHĐCĐ, cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e. Các hình thức khác do Công ty quy định phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty. Cách thức tham dự và biểu quyết đối với các hình thức này sẽ được Công ty hướng dẫn tại Thông báo mời họp hoặc Tài liệu đính kèm Thông báo mời họp.

2. Số cổ phần tham dự được tính bằng tổng số cổ phần tham dự của các cổ đông dự họp theo các hình thức trên và phù hợp với hình thức tổ chức ĐHĐCĐ.

3. Tùy thuộc vào hình thức tổ chức ĐHĐCĐ, cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử tại ĐHĐCĐ thông qua một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:

- a. Thực hiện bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội;
- b. Thực hiện bỏ phiếu điện tử;
- c. Ủy quyền cho một người khác thực hiện các quyền quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này;
- d. Thực hiện bỏ phiếu từ xa.

4. Trường hợp đối với cùng một nội dung biểu quyết, cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo nhiều hình thức khác nhau thì kết quả bỏ phiếu được lựa chọn sẽ căn cứ theo quy định tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty, Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ và các quy định khác có liên quan.

5. Chi tiết thực hiện các hình thức dự họp và biểu quyết của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền được hướng dẫn tại Chương II Quy chế này.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông**

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên khác. Công ty quyết định thành lập hoặc không thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông phù hợp với hình thức tổ chức ĐHCĐ.

2. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có quyền và nghĩa vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến tham dự Đại hội trực tiếp: Được quyền yêu cầu người dự họp xuất trình Giấy tờ pháp lý của cá nhân (Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu, Chứng minh sĩ quan quân đội, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác), Thông báo mời họp, Văn bản ủy quyền hợp lệ (đối với người đại diện theo ủy quyền) để kiểm tra, đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền tham dự.

b. Phát tài liệu biểu quyết/bầu cử và tài liệu họp cho cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội trực tiếp.

c. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;

d. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

e. Ban thẩm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên khác do Chủ tọa đề cử và được Đại hội bầu thông qua.

2. Ban kiểm phiếu có quyền và nghĩa vụ như sau:

a. Hướng dẫn cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử;

b. Thực hiện hoặc điều phối bộ phận giúp việc thu Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử sau khi Đại hội biểu quyết, bầu cử và tiến hành kiểm phiếu;

c. Lập Biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;

e. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành chức năng và nhiệm vụ của mình.

#### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban thư ký**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa

số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trong trường hợp Đại hội không do Hội đồng quản trị triệu tập, Chủ tọa cuộc họp được lựa chọn/bầu theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

2. Chủ tọa có quyền chỉ định một số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý khác, người điều hành của Công ty để hỗ trợ Chủ tọa điều hành Đại hội (gọi chung là Chủ tọa đoàn).

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự theo chương trình Đại hội đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp (theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Luật doanh nghiệp).

4. Chủ tọa có thể hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và quy định pháp luật.

5. Ban thư ký do Chủ tọa cử, thực hiện ghi chép Biên bản họp Đại hội, dự thảo Nghị quyết Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa và Chủ tọa đoàn.

#### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền có các quyền sau đây:

a. Được tham dự, thảo luận, phát biểu và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký đối với các nội dung chưa kết thúc biểu quyết; trong trường hợp này Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

c. Yêu cầu hỗ trợ trong trường hợp cần hỗ trợ các vấn đề liên quan đến việc tham dự và biểu quyết (trực tiếp hoặc trực tuyến) và các vấn đề khác liên quan đến Đại hội.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền có nghĩa vụ sau đây:

a. Đăng ký tham dự Đại hội.

d. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không cản trở hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

e. Thực hiện biểu quyết và thảo luận phù hợp với các hướng dẫn của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.

f. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều hành của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

g. Ngoài ra, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử thì phải có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty, Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ khi thực hiện tham gia bỏ phiếu điện tử và các hướng dẫn khác liên quan.

- Bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông/người đại diện theo ủy quyền mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền trên Hệ thống trực tuyến sẽ được mặc nhiên coi là ý kiến của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) của cổ đông liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu điện tử qua tài khoản truy cập của cổ đông. Cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện qua tài khoản truy cập của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền trên Hệ thống trực tuyến.

#### **Điều 10. Thảo luận tại Đại hội**

1. Đối với ĐHĐCĐ trực tiếp, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có thể giơ tay để phát biểu trực tiếp tại địa điểm họp hoặc nêu ý kiến vào Phiếu ghi ý kiến và gửi cho Ban tổ chức Đại hội.

2. Đối với ĐHĐCĐ trực tuyến, cổ đông tham gia thảo luận, tương tác và thực hiện theo hướng dẫn trên Hệ thống trực tuyến của Tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc Hệ thống khác được Công ty lựa chọn áp dụng.

2. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định của Đại hội. Nội dung phát biểu, ý kiến cần ngắn gọn, tránh trùng lặp và phù hợp với chương trình nội dung của Đại hội.

2. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình cuộc họp để bố trí sắp xếp việc trả lời các ý kiến của cổ đông.

#### **Điều 11. Kiểm phiếu và các nội dung được thông qua tại Đại hội**

1. Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu trực tiếp, kết quả bỏ phiếu từ xa và kết quả bỏ phiếu điện tử để lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu bầu cử.

2. Các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

#### **Điều 12. Biên bản và Nghị Quyết Đại hội**

1. Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình, hoặc hình thức điện tử khác, được lưu trữ theo quy định. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến có thể sử dụng dữ liệu điện tử đã được ghi và lưu tại cuộc họp như một phần nội dung của Biên bản.

2. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

3. Biên bản được lập và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Căn cứ kết quả biểu quyết tại Đại hội, Chủ tọa ban hành Nghị quyết của Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.



## THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP, BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ TẠI ĐẠI HỘI

### Điều 13. Đăng ký tham dự Đại hội

Trước khi khai mạc Đại hội, Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền phải thực hiện thủ tục đăng ký dự họp.

#### 1. Trường hợp dự họp trực tiếp

a. Trước khi vào phòng họp Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự phải mang theo bản chính/bản sao y hợp lệ Giấy tờ pháp lý của cá nhân (Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu, Chứng minh sĩ quan quân đội, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác), Thông báo mời họp, Văn bản ủy quyền hợp lệ (đối với người đại diện theo ủy quyền) và thực hiện đăng ký tham dự với Ban thẩm tra tư cách cổ đông.

b. Trường hợp cả cổ đông và người đại diện theo ủy quyền đến tham dự Đại hội thì cổ đông và người đại diện theo ủy quyền phải thỏa thuận ai là người tham dự, nếu không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định pháp luật.

c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì nội dung ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện, trường hợp không xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

#### 2. Trường hợp dự họp theo hình thức bỏ phiếu từ xa

a. Tại thời điểm bắt đầu đăng ký kiểm tra tư cách của cổ đông tham dự tại ĐHĐCĐ, Ban tổ chức ĐHĐCĐ sẽ mở Phiếu biểu quyết từ xa của cổ đông để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách cổ đông. Các cổ đông đáp ứng về tư cách hợp lệ sẽ được tính vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội.

b. Đối với các cổ đông đáp ứng về tư cách hợp lệ, Phiếu biểu quyết của các cổ đông bỏ phiếu từ xa sẽ được bỏ vào thùng phiếu và sẽ được kiểm cùng lúc với Phiếu biểu quyết bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

#### 3. Trường hợp dự họp trực tuyến

a. Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo sự duy nhất của cổ đông đó. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp hoặc Thông báo tài khoản truy cập được gửi kèm theo Thông báo mời họp.

b. Cổ đông lựa chọn tham dự ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến truy cập vào Hệ thống trực tuyến (theo thông báo của Công ty tại từng thời điểm), điền các thông tin của cổ đông đã được cung cấp và các thông tin khác mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông trước khi hoàn thành đăng nhập.

c. Sau khi truy cập vào Hệ thống trực tuyến, cổ đông cần thực hiện thao tác: (i) đăng ký hình thức dự họp trực tuyến và (ii) đăng ký thẩm tra tư cách cổ đông để hoàn tất đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn của Hệ thống trực tuyến. Sau khi hoàn tất đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, cổ đông được phép thực hiện bỏ phiếu và theo dõi Đại hội trực tuyến.

d. Trường hợp cổ đông quên mật khẩu, cổ đông liên hệ với Công ty hoặc thực hiện theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp/Tài liệu đính kèm Thông báo mời họp để được cấp lại mật khẩu.

e. Việc ủy quyền tham dự họp trực tuyến được thực hiện theo hướng dẫn của Công ty, phù hợp với quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ.

#### **Điều 14. Tham dự Đại hội**

##### **1. Trường hợp dự họp trực tiếp**

a. Sau khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp thành công, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được xem là đủ điều kiện tham dự trực tiếp tại cuộc họp.

b. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham gia cuộc họp theo đúng chương trình Đại hội đã được ĐHCĐ thông qua.

c. Các vấn đề khác liên quan đến việc tham dự Đại hội trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

##### **2. Trường hợp dự họp theo hình thức bỏ phiếu từ xa**

Cổ đông được xét là đăng ký dự họp hợp lệ theo quy định tại Quy chế này được xem như các Cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội. Kết quả bỏ phiếu từ xa có giá trị như kết quả bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.

##### **3. Trường hợp dự họp trực tuyến**

a. Cổ đông khi đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến và đã thực hiện thủ tục thẩm tra tư cách cổ đông thành công thì được coi là đủ điều kiện tham dự, biểu quyết và kết quả bỏ phiếu thông qua Hệ thống trực tuyến có giá trị như kết quả bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.

b. Cổ đông tham dự trực tuyến có thể phát biểu, góp ý, thảo luận trong cuộc họp thông qua các tiện ích mà Hệ thống trực tuyến cung cấp và theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

#### **Điều 15. Biểu quyết, bầu cử tại Đại hội**

##### **1. Trường hợp dự họp trực tiếp**

a. Khi đăng ký tham dự Đại hội, mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (nếu có), Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát (nếu có). Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu được đóng dấu treo của Công ty.

Nội dung Phiếu bầu, Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; Thẻ lệ bầu cử; Quy chế làm việc Đại hội ban hành hàng năm.

b. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền có thể biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến hoặc biểu quyết bằng cách điền vào Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu chéo hoặc tích (X hoặc ✓) vào một (01) trong ba (03) phương án “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” của từng vấn đề cần lấy ý kiến và ký tên vào Phiếu biểu quyết trước khi bỏ vào thùng phiếu hoặc nộp lại cho Ban kiểm phiếu trong thời gian quy định.

- Cách thức biểu quyết của cổ đông tại Đại hội được quy định chi tiết Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và Quy chế làm việc tại Đại hội ban hành hàng năm.

**c. Cách thức bầu cử:**

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức quy định tại Thể lệ bầu cử của Công ty.

- Thể lệ bầu cử của Công ty quy định chi tiết cách ghi Phiếu bầu, Phiếu bầu hợp lệ, các trường hợp Phiếu bầu không hợp lệ, và các vấn đề liên quan khác.

- Trường hợp cổ đông/người đại diện theo ủy quyền có sự nhầm lẫn khi ghi Phiếu bầu cử và chưa bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu, chưa hết thời gian bỏ phiếu bầu cử, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để được đổi lại Phiếu bầu.

- Trường hợp cổ đông/người đại diện theo ủy quyền có tham dự trực tiếp đại hội nhưng không bỏ phiếu bầu cử thì cổ đông đó được xem là không tham gia bầu cử.

**2. Trường hợp dự họp theo hình thức bỏ phiếu từ xa**

Trong trường hợp cổ đông không tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội theo hình thức trực tiếp, trực tuyến thì cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu từ xa như sau:

- Phiếu biểu quyết từ xa được cung cấp cho cổ đông theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp hoặc Tài liệu đính kèm Thông báo mời họp.

- Sau khi thực hiện biểu quyết vào Phiếu biểu quyết từ xa, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết theo hình thức thư bảo đảm về cho Công ty theo thời gian mà Công ty đã thông báo.

- Thông tin biểu quyết sẽ được bảo mật cho đến thời điểm thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Nhân sự của Ban thẩm tra tư cách cổ đông khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự cho cổ đông biểu quyết từ xa có trách nhiệm bảo mật các thông tin này.

**3. Trường hợp dự họp trực tuyến**

Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu tại Hệ thống trực tuyến như sau:

a. Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu theo các tiện ích mà Hệ thống trực tuyến cung cấp. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu sẽ được Công ty gửi kèm Thông báo mời họp Đại hội.

b. Sau khi hoàn tất đăng nhập tài khoản truy cập vào Hệ thống trực tuyến, cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba phương án: Đồng ý, Không đồng ý hoặc Không có ý kiến cho từng vấn đề biểu quyết tại mục Biểu quyết. Đối với nội dung bầu cử, cổ đông thực hiện bầu cử tại mục Bầu cử theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp.

c. Nếu tại cuộc họp, ĐHĐCĐ đồng ý sửa đổi nội dung biểu quyết, sửa đổi chương trình (bổ sung, hủy bỏ số lượng, nội dung biểu quyết) khác với các biểu quyết mà Công ty đã thông báo trước đây thì:

- Số phiếu của các cổ đông đã tham gia bỏ phiếu cho các vấn đề được sửa đổi sẽ bị hủy và cổ đông được coi là không bỏ phiếu cho vấn đề đã được sửa đổi, trừ trường hợp cổ

đồng thực hiện bỏ phiếu lại theo diễn tiến đại hội theo quy định tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty và Quy chế này.

- Các cổ đông sẽ được coi là không bỏ phiếu cho vấn đề được bổ sung, trừ trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo diễn tiến đại hội theo quy định tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty và Quy chế này.

- Toàn bộ phiếu biểu quyết của cổ đông theo hình thức bỏ phiếu điện tử đối với nội dung bị hủy bỏ sẽ bị loại bỏ và không có hiệu lực đối với nội dung bị hủy bỏ khỏi chương trình họp ĐHCĐ.

d. Thông tin biểu quyết sẽ được bảo mật cho đến thời điểm thực hiện việc kiểm phiếu.

e. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu, Hệ thống trực tuyến sẽ khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

f. Cổ đông tự mình thực hiện bỏ phiếu hoặc ủy quyền bỏ phiếu theo hướng dẫn của Công ty, phù hợp với quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ.

g. Cổ đông tham gia biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty, quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ và các hướng dẫn khác liên quan.

#### **Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Cách thức tham gia, thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Đại hội có thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp Đại hội của Công ty.

2. Ngoài các quy định tại Quy chế này, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tuân thủ đúng Quy chế bỏ phiếu điện tử, các quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ và theo hướng dẫn của Công ty khi cổ đông/người đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

3. Quy chế này gồm 16 điều. Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**ĐOÀN NGUYỄN TIÊU**

PHỤC LỤC 06 (Đính kèm Tờ trình số 01/TTr-DHĐCĐ, ngày 26 tháng 06 năm 2021)

CÔNG TY CPTĐ NĂNG LƯỢNG  
TÁI TẠO VIỆT NAM  
---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 26 tháng 06 năm 2021



**QUY CHẾ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ**  
**CÔNG TY CPTĐ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định Hội đồng quản trị số .../QĐ-HĐQT-NLTTVN

**DỰ THẢO**

ngày ... / ... / 2021)

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam;
- Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.

## CHƯƠNG I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (sau đây gọi là “đợt biểu quyết”) của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam (sau đây gọi là “Công ty”).

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Tổ chức cung cấp dịch vụ:** là Tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại hội trực tuyến kèm theo bỏ phiếu điện tử theo hợp đồng dịch vụ với Công ty. Tổ chức này do Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty lựa chọn phù hợp tình hình thực tế và các yêu cầu của Công ty. Tổ chức cung cấp dịch vụ có thể là Trung

tâm Lưu ký Chứng khoán (Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD)) hoặc tổ chức khác có cung cấp dịch vụ này.

- **Bỏ phiếu điện tử:** là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông (theo quy định tại Quy chế này) thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu của Tổ chức cung cấp dịch vụ (sau đây gọi là "**Hệ thống trực tuyến**") tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tại đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- **Bỏ phiếu truyền thống:** là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) hoặc tham gia biểu quyết tại đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.

- **Tổ chức đại diện:** là tổ chức được cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền bỏ phiếu điện tử theo các quy định do Tổ chức cung cấp dịch vụ ban hành.

## CHƯƠNG II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### **Điều 3. Điều kiện, cách thức cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử**

##### 1. Điều kiện tham gia

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD)) lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Cổ đông đã thực hiện kích hoạt tài khoản truy cập theo thông báo của Tổ chức cung cấp dịch vụ.

##### 2. Cách thức thực hiện

- Cổ đông là cá nhân và tổ chức trong nước tự mình thực hiện bỏ phiếu điện tử trực tiếp trên Hệ thống trực tuyến.

- Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến hoặc thông qua ủy quyền cho Tổ chức đại diện, trừ trường hợp Tổ chức cung cấp dịch vụ có quy định khác.

#### **Điều 4. Cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

Việc cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc theo hướng dẫn của Công ty.

## **Điều 5. Ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Trừ trường hợp Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ cho phép khác, việc ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử chỉ áp dụng đối với trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho Tổ chức đại diện thực hiện bỏ phiếu điện tử.

2. Trình tự, thủ tục ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ ban hành hoặc theo hướng dẫn của Công ty.

## **Điều 6. Kết quả bỏ phiếu điện tử, tổng số cổ phần biểu quyết có quyền tham dự ĐHĐCĐ**

1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử của từng đợt biểu quyết được thống kê và tính toán bởi Tổ chức cung cấp dịch vụ.

2. Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội hoặc Ban kiểm phiếu được Hội đồng quản trị đề cử tại đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản là người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

3. Cổ đông chỉ được lựa chọn biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu truyền thống đối với mỗi nội dung biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu truyền thống sẽ được ưu tiên lựa chọn và bỏ phiếu điện tử sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

4. Kết quả bỏ phiếu điện tử tại thời điểm tổng hợp kết quả bỏ phiếu được Công ty tính toán dựa trên kết quả bỏ phiếu điện tử do Tổ chức cung cấp dịch vụ cung cấp.

5. Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết sẽ được tính bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đã thực hiện bỏ phiếu điện tử hợp lệ theo quy định tại Quy chế này và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông bỏ phiếu truyền thống.

6. Nếu tại cuộc họp, ĐHĐCĐ đồng ý sửa đổi nội dung biểu quyết, sửa đổi chương trình (bổ sung, hủy bỏ số lượng, nội dung biểu quyết) khác với các biểu quyết mà Công ty đã thông báo trước đây thì:

- Số phiếu của các cổ đông đã tham gia bỏ phiếu cho các vấn đề được sửa đổi sẽ bị hủy và cổ đông được coi là không bỏ phiếu cho vấn đề đã được sửa đổi, trừ trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu lại theo diễn tiến đại hội theo quy định tại Quy chế này.

- Các cổ đông sẽ được coi là không bỏ phiếu cho vấn đề được bổ sung, trừ trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo diễn tiến đại hội theo quy định tại Quy chế này.

- Toàn bộ phiếu biểu quyết của cổ đông theo hình thức bỏ phiếu điện tử đối với nội dung bị hủy bỏ sẽ bị loại bỏ và không có hiệu lực đối với nội dung bị hủy bỏ khỏi chương trình họp ĐHĐCĐ.

7. Trường hợp HĐQT quyết định việc bỏ phiếu điện tử sẽ diễn ra theo diễn biến Đại hội thì cổ đông có thể bỏ phiếu điện tử trước khi Đại hội diễn ra (theo thông báo của Công ty) hoặc bỏ phiếu điện tử theo diễn tiến cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Thời gian cổ đông có thể thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ theo thông báo của Công ty, Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ (nếu có).

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia bỏ phiếu điện tử**

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

Để thực hiện quyền trên, Cổ đông phải đáp ứng các điều kiện tham gia vào Hệ thống trực tuyến (ví dụ: có thiết bị có thể kết nối internet, nhận mã định danh, ...) theo Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ và theo hướng dẫn của Công ty.

2. Vẫn có thể trực tiếp dự họp cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp. Việc tham gia biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

3. Phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực và cập nhật các thông tin này nếu có thay đổi vào bất kỳ thời điểm nào trước khi thực hiện bỏ phiếu điện tử để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

4. Được sử dụng tài khoản truy cập do Tổ chức cung cấp dịch vụ cấp để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho từng đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.

5. Trường hợp cổ đông uỷ quyền bỏ phiếu điện tử cho người đại diện theo uỷ quyền (nếu có), Tổ chức đại diện thì Cổ đông và người đại diện theo uỷ quyền (nếu có), Tổ chức đại diện chịu trách nhiệm đối với việc uỷ quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo tài khoản truy cập đã được cấp. Trường hợp cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền là pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của các pháp nhân này là người chịu trách nhiệm đối với các quy định nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo uỷ quyền (nếu có), Tổ chức đại diện để thực hiện bỏ phiếu điện tử cho Cổ đông theo uỷ quyền hợp lệ theo quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của cổ đông (tự mình hoặc thông qua uỷ quyền) trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý kiến của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo uỷ quyền (nếu có), Tổ chức đại diện sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương



tự như Cổ đông.

Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa cổ đông, Tổ chức cung cấp dịch vụ và người đại diện theo ủy quyền (nếu có), Tổ chức đại diện liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu điện tử qua tài khoản truy cập của cổ đông. Cổ đông chịu trách nhiệm về mọi rủi ro liên quan đến các giao dịch thực hiện bằng tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác của tài khoản truy cập của cổ đông và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện qua tài khoản truy cập của Cổ đông trên Hệ thống trực tuyến của Tổ chức cung cấp dịch vụ.

7. Chấp nhận và tuân thủ đúng các nội dung nêu tại Quy định của Tổ chức cung cấp dịch vụ, theo hướng dẫn của Công ty khi cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử.

8. Phối hợp với Công ty và Tổ chức cung cấp dịch vụ giải quyết các sai sót, sự cố hoặc các vấn đề khác phát sinh liên quan đến việc tổ chức, thực hiện bỏ phiếu điện tử (nếu có).

### **CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **Điều 8. Điều khoản khác**

Các nội dung khác liên quan đến điều kiện tiến hành đợt biểu quyết, cách thức tiến hành biểu quyết, kiểm phiếu, thông qua Quyết định của đợt biểu quyết và trường hợp tổ chức đợt biểu quyết không thành chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và quy định khác có liên quan.

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 3 chương, 9 điều và có hiệu lực từ ngày được thông qua và ban hành.

2. Cổ đông, Tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia bỏ phiếu điện tử đối với các đợt bỏ phiếu của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐOÀN NGUYỄN TIÊU**